

Bản án số: 142/2022/HS-PT

Ngày: 15/4/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tào

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Cường

Ông Trương Công Thi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 589/2021/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Trần Nhật Minh T, Nguyễn Thị Kim T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1. TRẦN NHẬT MINH T**, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1984 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hán; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Con ông Trần Quang H và bà Lê Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị Hồng T và có 02 con: con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014. Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/9/2020. Có mặt tại phiên tòa.

**2. NGUYỄN THỊ KIM T (M)**, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1992 tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Phiên dịch tiếng Trung tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo; Con ông Võ Văn N và bà Nguyễn Thị H; Có chồng là Wu Sheng J và có 03 con: con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam ngày 15/9/2020. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/7/2020, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh cùng Phòng A ninh đối ngoại Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp Công an phường H, quận H kiểm tra cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại nhà số 2K (Lô 10) B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng phát hiện 08 người Trung Quốc gồm: Wang Chao F, Lin Qing C, Wang Pei S, Long Zhi Y, Wang Ping Z, Wang D, Zhan Ai Y và Wang Yuan Z đang lưu trú tại đây không có thị thực, nhập cảnh trái phép Việt Nam.

### ***Quá trình điều tra xác định:***

Thông qua sự giới thiệu của Nguyễn Thị Kim T, Trần Nhật Minh T (là anh rể T) có quen biết người đàn ông tên Chen H (tên gọi khác là A X, Quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu: E32102040, đã xuất cảnh Việt Nam ngày 15/5/2020). Khoảng cuối tháng 6/2020, A X liên hệ qua Ứng dụng WeChat với T nhờ T thuê giúp nhà cho 02 người Trung Quốc tên Wang Chao F và Lin Qing C. Sau đó T liên lạc qua Ứng dụng WeChat hẹn Wang Chao F và Lin Qing C gặp nhau trên thành phố Đà Nẵng để đi thuê nhà. Sau khi đi xem nhà cho thuê, Wang Chao F và Lin Qing C thống nhất với T thuê căn nhà số 82 S 3, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng do chị Lê Thị T làm chủ với giá 20.000.000đ/tháng. T biết 02 đối tượng Trung Quốc trên không có giấy tờ cư trú hợp pháp (hộ chiếu, thị thực) nhưng vì số tiền 2.000.000đ mà chị T chỉ lại cho T nên đã giới thiệu thuê nhà cho 02 đối tượng trên. Để chị T cho số đối tượng Trung Quốc thuê nhà, T đã nói với chị T là hộ chiếu, thị thực của 02 đối tượng Trung Quốc đã được gửi đi gia hạn, khi nào nhận được hộ chiếu thì sẽ gửi cho chị T đi đăng ký tạm trú. Wang Chao F đã gửi tiền mặt 20.000.000đ cho T để T trả cho chị T. Khi nhận tiền thuê nhà, chị T cho T 2.000.000đ tiền giới thiệu thuê nhà và giao chìa khóa nhà cho T để T giao cho số đối tượng Trung Quốc.

Vào ngày 28/6/2020 Wang Chao F và Lin Qing C đã chuyển đến nhà 82 S 3, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng để ở.

Từ tối ngày 28/6/2020 đến ngày 18/7/2020 thì lần lượt có Wang Pei S, Long Zhi Y, Wang Ping Z, Wang D, Zhan Ai Y và Wang Yuan Z cũng vào ở tại địa chỉ này.

Khoảng 2 đến 3 tuần sau, chị T có gọi điện thoại T yêu cầu hộ chiếu, thị thực của 02 đối tượng Trung Quốc thuê nhà thì T nói sắp nhận lại được hộ chiếu, thị thực rồi nhưng chị T không chịu và yêu cầu T không cho thuê nữa.

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 căng thẳng và sợ cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện, nên ngày 19/7/2020, T bàn với Nguyễn Thị Kim T cùng đi đến nhà 82 S 3 bàn với Wang Chao F và Lin Qing C về việc chuyển nhà, T và T nói với số đối tượng Trung Quốc phải chuyển chỗ ở sang nơi khác để tránh sự kiểm tra của lực lượng Công an.

Chiều ngày 20/7/2020, T và T cùng với Wang Chao F và Lin Qing C đi đến số nhà 2K B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng gặp anh Nguyễn Trung V là chủ nhà để xem nhà. Anh V báo giá cho thuê nhà cho T là 30.000.000đ/tháng, trả trước 03 tháng và đặt cọc 01 tháng tiền nhà. T tăng giá cho thuê lên và nói với Wang Chao F tiền thuê nhà 40.000.000đ/tháng (chênh lệch 10.000.000đ), trả trước 03 tháng và đặt cọc 01 tháng. Đến tối cùng ngày, Wang Chao F báo với T đồng ý thuê nhà 2K B.

Đến ngày 22/7/2020, T đi cùng Nguyễn Thị Hồng T (chị gái T) và 01 người Trung Quốc tên A (bạn T, không xác định lai lịch), Wang Chao F, Wang Pei S đến nhà số 2K B để ký hợp đồng và thanh toán tiền. Khi đến nhà thì gặp chị Phạm Thị Hoàng O (vợ anh V) ở trong nhà. Tại đây, chị O có gọi ông Phạm H đến sửa hệ thống điện trong nhà, T có nhờ chị T cùng chị Trần Dạ Quỳnh T (là chị gái T) đến dọn vệ sinh trong nhà và gọi một người (không xác định) mang bình ga đến thay ga trong bếp để chuẩn bị cho số đối tượng Trung Quốc đến ở.

Ngoài số tiền thuê nhà là 160.000.000đ và 20.000.000đ số tiền 02 đối tượng Trung Quốc nhờ đổi tiền Việt Nam, T muốn thu thêm tiền của số đối tượng Trung Quốc nên yêu cầu chuyển thêm 15.000.000đ nói là tiền đảm bảo an toàn an ninh, tổng cộng là 195.000.000đ. Wang Chao F nói T sẽ nhờ một người bạn chuyển tiền Trung Quốc trả nên T liên hệ qua WeChat với người đàn ông tên Chiến (chưa xác định lai lịch) đổi sang tiền Việt Nam. Chiến gửi số tài khoản Ngân hàng Trung Quốc cho T, T gửi cho Wang Chao F để chuyển tiền. Người bạn của Wang Chao F (không xác định lai lịch) đã chuyển 02 lần tổng cộng 60.000 RMB (sáu mươi ngàn nhân dân tệ) vào tài khoản của Chiến, sau đó Chiến chuyển lại số tiền 195.000.000đ vào tài khoản Ngân hàng V (V) của Nguyễn Thị Hồng T. Sau khi trừ 7.500.000đ tiền hoa hồng môi giới thuê nhà, T sử dụng tài khoản ngân hàng của T chuyển tiền thuê nhà vào tài khoản Ngân hàng C (C) của chị Hoàng O số tiền 112.500.000đ, T trả tiền mặt 20.000.000đ đổi tiền cho Wang Chao F, còn lại 62.500.000đ là tiền thu lợi từ việc thuê nhà. Số tiền này T và T chia nhau. Tối cùng ngày, 08 đối tượng Trung Quốc lưu trú nhà cho thuê tại 82 S chuyển sang nhà cho thuê tại địa chỉ 2K B.

Chiều ngày 23/7/2020, theo yêu cầu của số đối tượng Trung Quốc, T gọi điện yêu cầu anh Phan Công Khoa đến nhà 2K B lắp đặt mạng internet hãng VNPT.

Sáng ngày 24/7/2020, anh Nguyễn Trung V điện thoại, nhắn tin T yêu cầu mang giấy tờ của khách thuê nhà đi đăng ký tạm trú với Công an phường, vì sợ không giấu được anh V về số đối tượng Trung Quốc không có giấy tờ cư trú tại nhà 2K B nên trưa ngày 24/7/2020, T liên hệ với ông Huỳnh Đức N – Phó trưởng phòng Xuất nhập cảnh Công an thành phố Đà Nẵng báo về việc số đối tượng Trung Quốc cư trú bất hợp pháp tại địa chỉ 2K B nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình.

Ngày 23/9/2020, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Đà Nẵng có công văn số 846/XNC xác định 08 đối tượng Trung Quốc cư trú bất

hợp pháp tại nhà 2K B không có thông tin xuất nhập cảnh trong hệ thống quản lý tại Cục Xuất nhập cảnh – Bộ Công an.

Dữ liệu điện thoại di động, tài khoản mạng xã hội WeChat, các bị cáo và 08 đối tượng Trung Quốc đã xóa trước khi làm việc với Cơ quan Công an.

**\* Vật chứng thu giữ:**

***\* Tạm giữ của 08 đối tượng Trung Quốc:***

+ 08 điện thoại cá nhân: 02 máy hiệu Iphone, 01 máy hiệu Redmi; 04 máy hiệu Huawei; 01 máy hiệu Xiaomi;

+ 07 chứng minh nhân dân Trung Quốc;

+ 02 hộ chiếu Trung Quốc mang tên Wang D và Lin Qing C;

***\* Các đồ vật không xác định chủ sở hữu:***

+ 08 Laptop, 94 điện thoại di động hiệu Iphone 5, Iphone 5S, Iphone 5C, điện thoại hiệu Oppo, Xiami;

+ 02 thẻ bùa kim loại màu vàng (đã niêm phong);

+ Số tiền 43.500.000đ;

***\* Tạm giữ của hai bị cáo:***

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim T:

+ Số tiền 64.750.000đ bị cáo thu lợi từ việc môi giới thuê nhà trái phép cho số đối tượng Trung Quốc.

+ 01 điện thoại di động hiệu Huawei bị cáo sử dụng nhắn tin liên hệ bằng Wechat với số đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép để thuê nhà.

+ 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax;

+ 01 laptop hiệu Macbook air;

+ 01 sổ tay màu xanh, kích thước 12cm x 18cm

- Bị cáo Trần Nhật Minh T:

+ Số tiền 66.750.000đ là số tiền bị cáo thu lợi từ việc môi giới thuê nhà trái phép cho đối tượng Trung Quốc.

+ 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax bị cáo sử dụng nhắn tin liên hệ bằng Wechat với số đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép để thuê nhà.

+ Số tiền 45.500.000đ là số tiền ông Nguyễn Trung V (chủ nhà 2K B) thu lợi được từ việc cho 08 đối tượng Trung Quốc cư trú bất hợp pháp thuê nhà tự nguyện giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

**Tuyên bố** các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”;

1. Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt **Trần Nhật Minh T 06 (Sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 15/9/2020.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 348 BLHS, tuyên phạt tiền đôi với bị cáo số tiền 15.000.000 đồng.

2. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: **Nguyễn Thị Kim T 05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 15/9/2020.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 348 BLHS, tuyên phạt tiền đôi với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/11/2021 và ngày 29/11/2021, các bị cáo Trần Nhật Minh T, Nguyễn Thị Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Nhật Minh T, Nguyễn Thị Kim T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở kết luận:

Nhằm mục đích vụ lợi, trong khoảng thời gian từ ngày 20/7/2020 đến ngày 24/7/2020 Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T đã tổ chức cho 08 người Trung Quốc không có thị thực, không có hộ chiếu ở lại Việt Nam trái phép tại căn nhà số 2K B, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; ngoài ra Trần Nhật Minh T còn tổ chức cho 08 người trú tại số nhà 82 S, phường H, quận N; trong đó T thu lợi bất chính tổng số tiền 66.750.000đ; Nguyễn Thị Kim T thu lợi bất chính số tiền 64.750.000đ.

Với hành vi nêu trên, án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T đã phạm tội “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*” theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự 2015 (trong đó bị cáo Trần Nhật Minh T theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348; bị cáo Nguyễn Thị Kim T theo điểm c khoản 2 Điều 348) là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T, nhận thấy: Các bị cáo phạm tội “*Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép*” theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự

2015 (trong đó bị cáo Trần Nhật Minh T theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348; bị cáo Nguyễn Thị Kim T theo điểm c khoản 2 Điều 348) có khung hình phạt tù từ 5 năm đến 10 năm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo nêu trên đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất nhập cảnh và cư trú của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Việt Nam, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương, nhất là vào thời điểm tình hình dịch Covid 19 đang hết sức căng thẳng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là đi ngược lại với tinh thần nỗ lực chống dịch của Nhà nước ta nói chung và của thành phố Đà Nẵng nói riêng. Do đó đối với các bị cáo cần xử lý nghiêm để giáo dục, răn đe các bị cáo và làm gương cho xã hội.

Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong đó, bị cáo T đang nuôi 03 con nhỏ (sinh năm 2008, 2013, 2018) trong khi chồng đã bỏ về Trung Quốc. Các bị cáo đã lập công chuộc tội, tố giác với cơ quan an ninh điều tra khám phá vụ án khác và chính vụ án của mình nên đã xử phạt bị cáo Trần Nhật Minh T 06 năm tù; Nguyễn Thị Kim T 05 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Tuyên bố** các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”;

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015; Xử phạt **Trần Nhật Minh T 06 (Sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 15/9/2020.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Xử phạt: **Nguyễn Thị Kim T 05 (Năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 15/9/2020.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Nhật Minh T và Nguyễn Thị Kim T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm,

3. Các quyết định khác về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, biện pháp tư

pháp và án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2021/HS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Lưu: HSVA; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Tào**